CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 1

Ngày 31/03/2025	3,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	14.7%	**18.2%**	**11.4%**

DT thuần
Q1/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.61| -100%
YoY: ▼0.70| -100%

LN thuần
Q1/25
-0.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.35| -106%
YoY: ▲ 0.17| 46.6%

LN sau thuế
Q1/25
-0.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.69| -110%
YoY: ▲ 0.13| 34.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25

ROE (TTM)
Q1/25
1.1%
YoY: +/-▲ 0.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,900 - 4,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
Số lượng CPLH (CP)	5,931,280
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,095
Sở hữu nước ngoài	25.6%
Beta	
EPS	51
P/E	77.2

DT thuần
2024
0.80
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.15| -86.6%

LN thuần
2024
-1.65
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.91| 53.6%

LN sau thuế
2024
0.49
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.16| 113%

Cơ cấu sở hữu

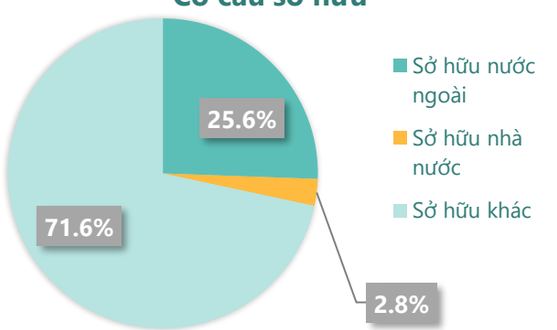

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

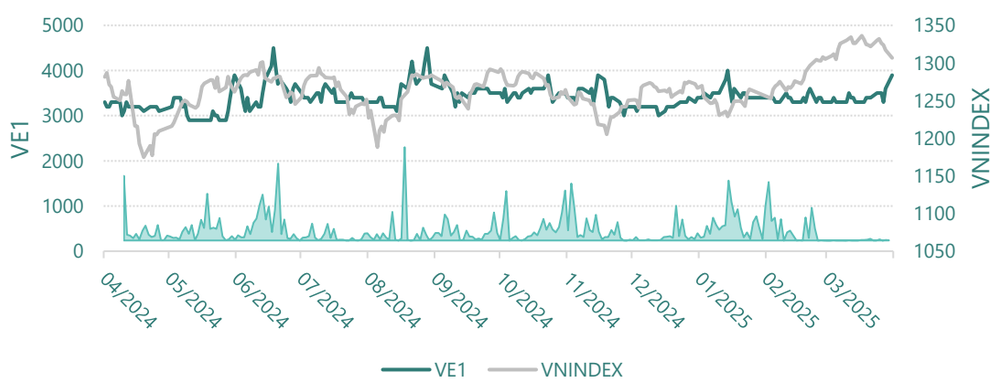

Cơ cấu cổ đông

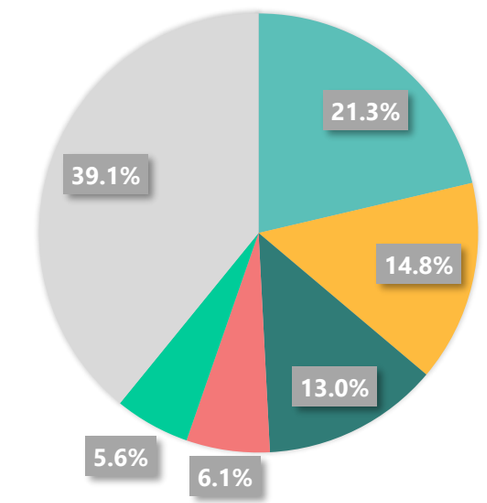

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

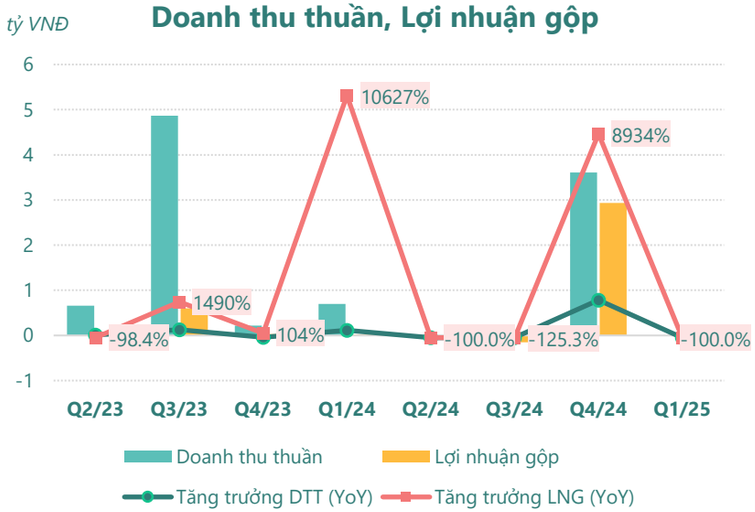

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

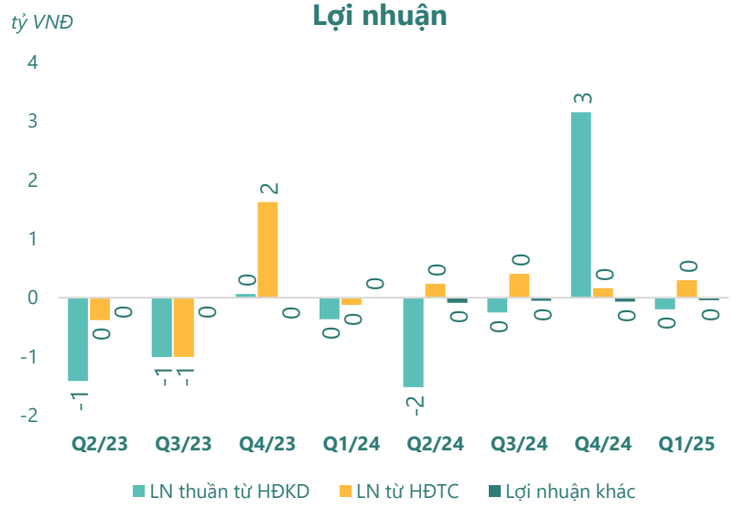

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

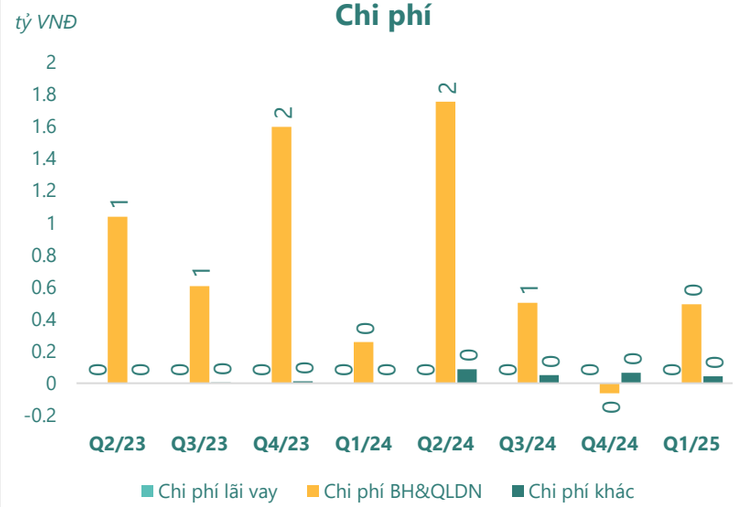

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

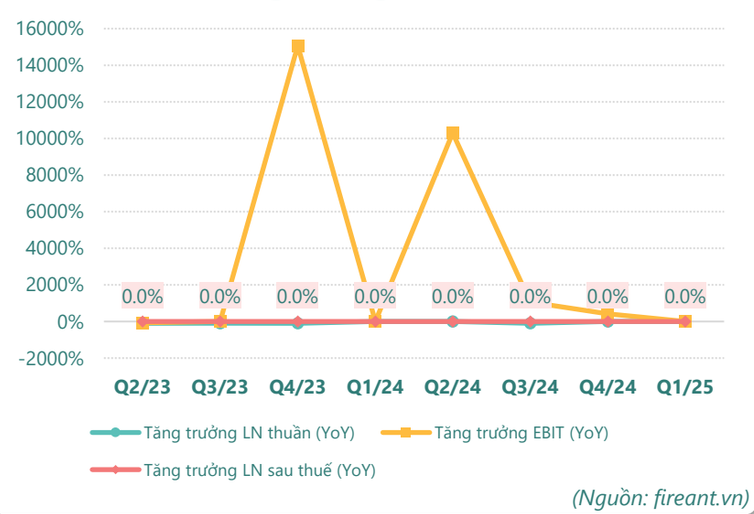

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

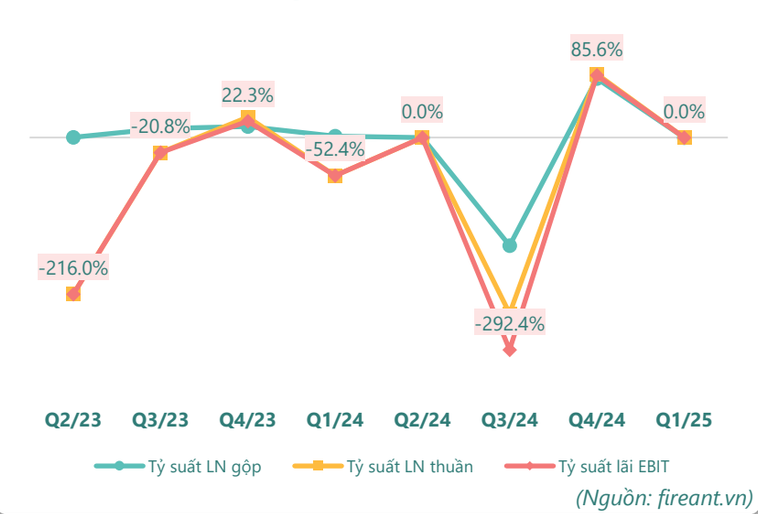

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

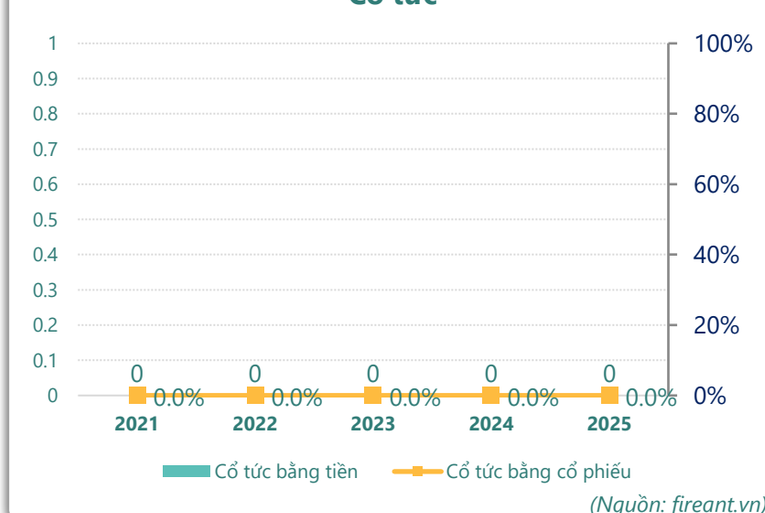

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

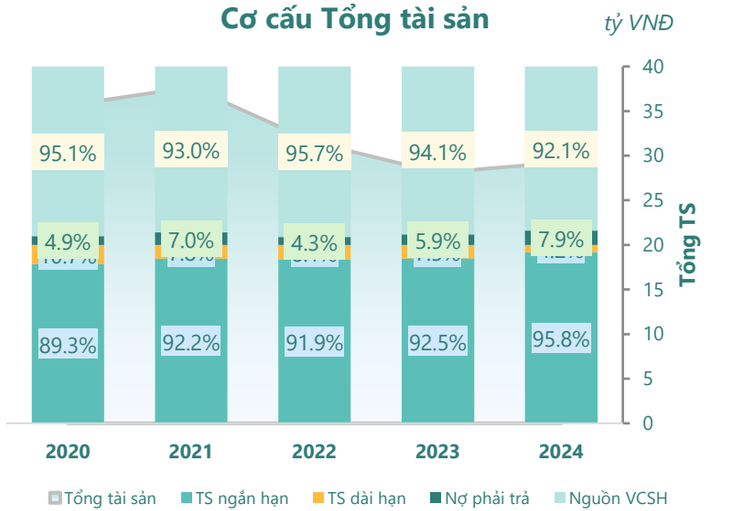

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

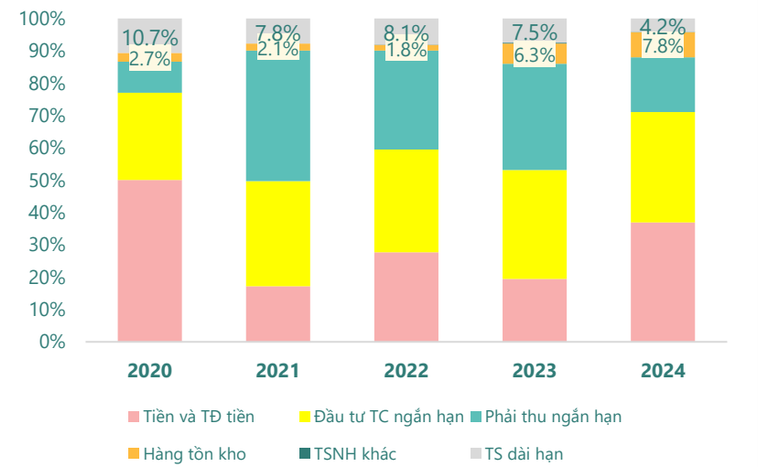

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

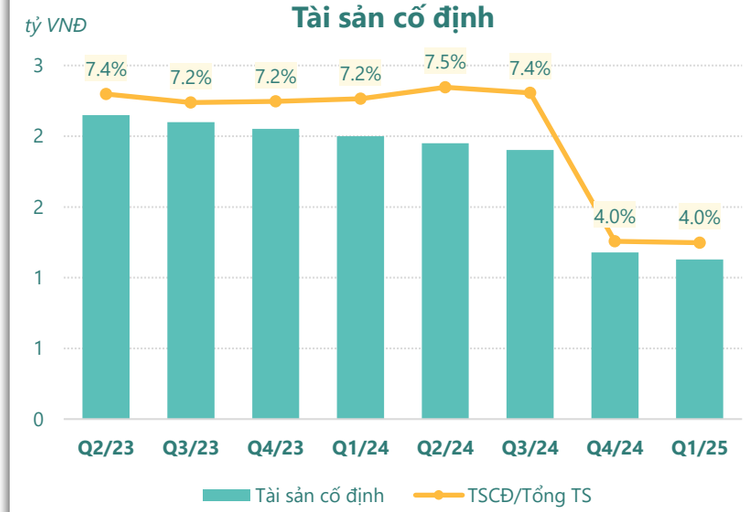

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

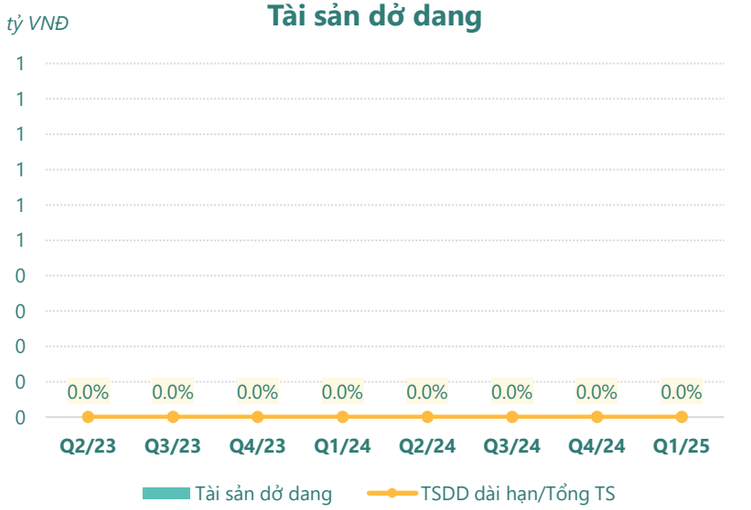

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

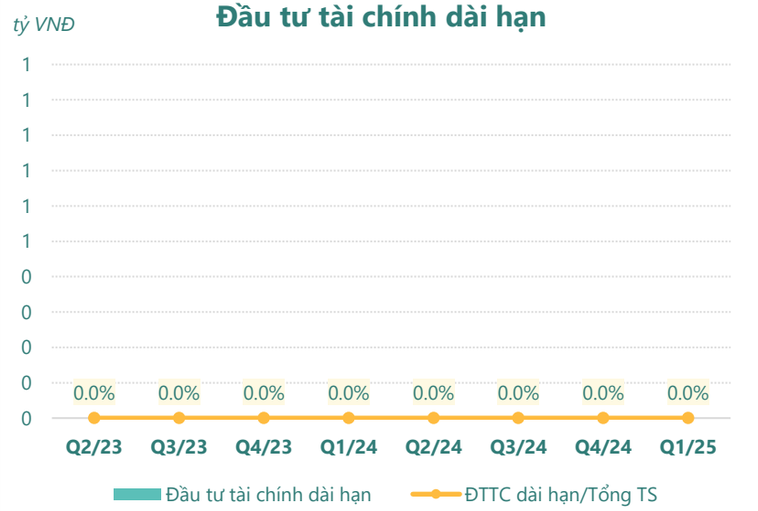

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

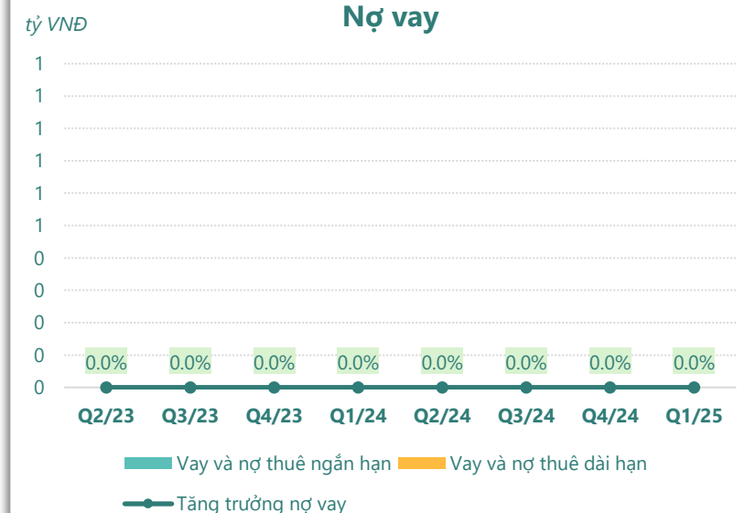

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

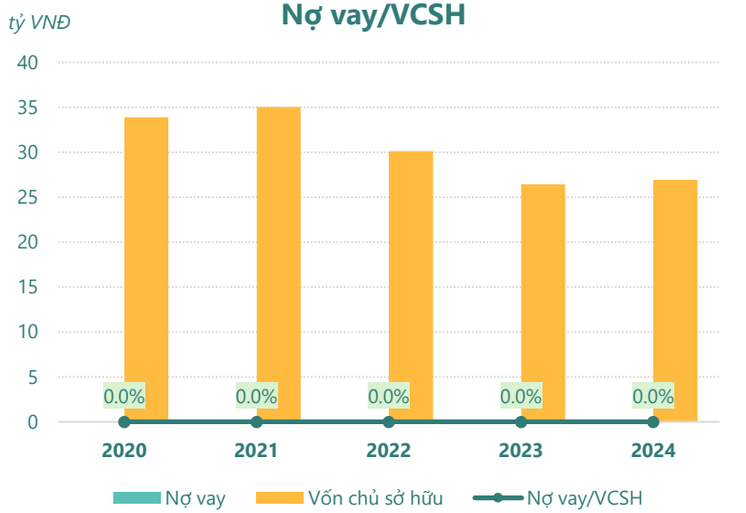

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

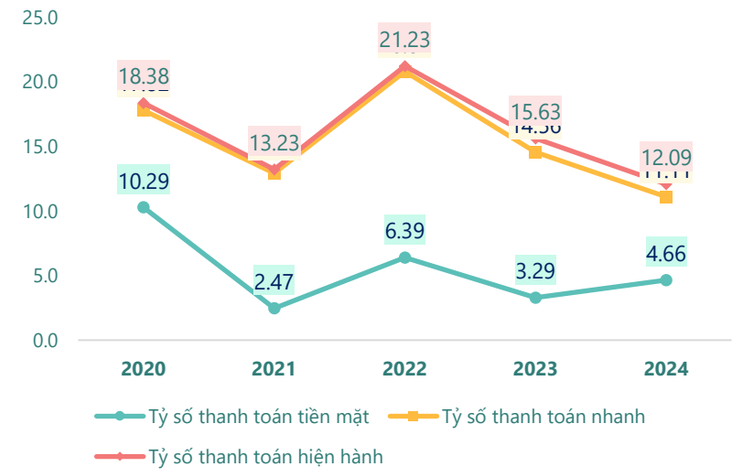

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

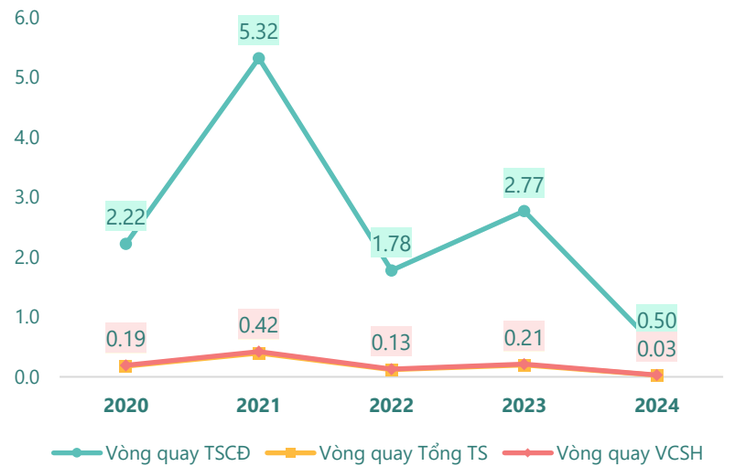

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

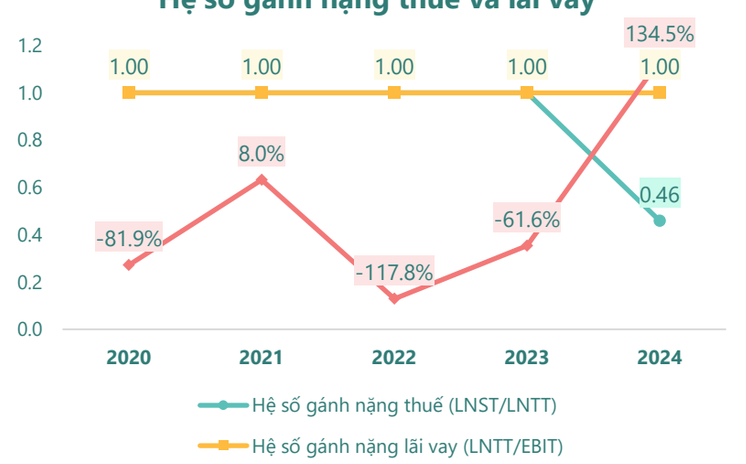

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

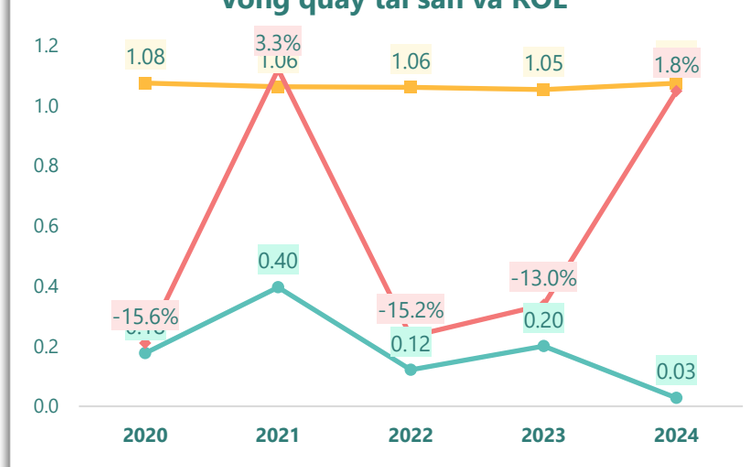

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

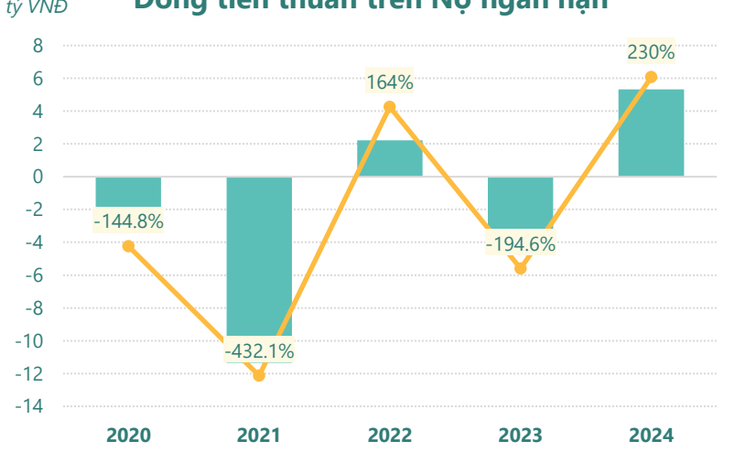

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.70**	**-100%**	**0.80**	**5.95**	**-86.6%**
Giá vốn hàng bán	0	0.68	-100%	0.94	5.32	-82.4%
Lợi nhuận gộp	0	0.01	-100%	-0.14	0.63	-122%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.06	-48.8%	0.16	0.38	-58.3%
Chi phí TC	-0.26	0.18	-246%	-0.53	0.55	-195%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.49**	**0.26**	**89.2%**	**2.20**	**4.02**	**-45.3%**
LN thuần từ HĐKD	-0.20	-0.37	46.6%	-1.65	-3.56	53.6%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**0.00**		**2.73**	**-0.10**	**2815%**
LN trước thuế	-0.24	-0.37	34.8%	1.08	-3.67	129%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.24**	**-0.37**	**34.8%**	**0.49**	**-3.67**	**113%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.24**	**-0.37**	**34.8%**	**0.49**	**-3.67**	**113%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.46	1.07	-1.15	-0.11	2.78	-5.64
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.75	-3.00	6.10	-5.10	4.75	0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	5.96	5.47	3.54	8.48	3.27	10.8
Lưu chuyển tiền thuần	**6.30**	**-1.93**	**4.94**	**-5.20**	**7.53**	**-5.56**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.47	3.54	8.48	3.27	10.8	5.24

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**28.3**	**29.3**	**-3.3%**
Tài sản ngắn hạn	27.1	28.0	-3.4%
Tiền và tương đương tiền	10.4	10.8	-3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.6	9.99	5.9%
Phải thu ngắn hạn	3.71	4.95	-25.1%
Hàng tồn kho	2.28	2.27	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.03	230%
Tài sản dài hạn	**1.21**	**1.22**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.13	1.18	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.08**	**0.05**	**83.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.59	2.32	-31.5%
Nợ ngắn hạn	**1.59**	**2.32**	**-31.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.48	0.48	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**26.7**	**26.9**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**26.7**	**26.9**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	60.0	60.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)